

BÀN VỀ ĐỊNH KIẾN DÂN TỘC

VĂN THỊ KIM CÚC*

Trong quan hệ xã hội, nếu như có tình thân hữu, bác ái, tình yêu thương, sự cảm thông, sự đồng cảm thì cũng tồn tại sự thù hận, lòng căm thù, sự ghét bỏ, lòng đố kỵ, sự ác cảm, ... Tất cả những cảm giác tiêu cực như vậy xuất phát từ thái độ định kiến. Vậy thế nào là định kiến? Thế nào là định kiến dân tộc?

Theo cách hiểu thông thường nhất, định kiến là quan niệm đơn giản, máy móc, thường không đúng sự thật, phần nhiều ác cảm hơn là thiện cảm của một cá nhân hay một nhóm về một cá nhân thành viên hay một nhóm xã hội nào đó.

Trong tâm lý học, đặc biệt trong tâm lý học xã hội, định kiến được hiểu trước hết như lòng tin, cách nhìn (Chaplin, 1968), thái độ (Allport, 1954; Corsini, 2001) không thiện cảm, thậm chí ác cảm hay nhận thức không đúng đắn về cá nhân nào đó hay nhóm người nào đó (Kramer, 1949; và Mann, 1959). Do đó, định kiến bao hàm chiều đánh giá (Fischer, 1985), thường là tiêu cực, là sự định hướng được tiếp thụ có mục đích thiết lập một sự phân biệt xã hội. Fischer cho rằng định kiến là một sự phân biệt đối xử. Xuất phát từ quan niệm này, ta thấy nội hàm định kiến bao gồm hai thành tố cơ bản: thành tố nhận

thức và thành tố ứng xử.

Trên cơ sở đó, chúng ta có thể định nghĩa về định kiến dân tộc như sau: định kiến dân tộc là thái độ hay cách nhìn tiêu cực của công dân hay dân tộc này đối với công dân hay dân tộc khác.

Sở dĩ có định kiến nói chung và định kiến dân tộc nói riêng là bởi cá nhân hay nhóm có định kiến đã nhận định cá nhân khác và nhóm khác trên cơ sở những nhận thức không khách quan, thiếu khoa học, các niềm tin không có căn cứ. Những người này thường có nhu cầu về việc xác định vị trí của mình so với người khác, chủ yếu với thái độ kẻ cả, dường như điều đó làm cho họ yên tâm với giá trị riêng của mình. Đó là trường hợp những định kiến của một dân tộc đối với một dân tộc thiểu số, của nhóm theo tôn giáo này đối với nhóm theo tôn giáo khác, của những cư dân các trung tâm thành thị lớn đối với những người sống ở ngoại ô hay ở tỉnh lẻ, của những thành viên của một nền văn hoá trội đối với một nền văn hoá thiểu số, của những người trẻ tuổi đối với người già cả, của đàn ông đối với đàn bà và ngược lại. Nguồn gốc của định kiến có thể bắt rễ từ thời thơ ấu,

*TS. Viện Tâm lý học.

thông qua quan niệm, khuôn mẫu, thái độ của gia đình, bố mẹ, người thân, của tầng lớp xã hội mà gia đình là thành viên. Người ta từng chứng minh rằng những người có nhân cách độc đoán do hoàn cảnh và do giáo dục thường là những người hay có những định kiến. Một nhân cách như vậy hàm chứa sự cứng nhắc nào đấy, những khó khăn trong việc tiếp xúc với người khác và khuynh hướng đơn giản hoá các tình huống đến cực đoan và nhất là lòng tin về tính thượng đẳng của nhóm xã hội và nền văn hoá của mình (Godfroid, 1978). Những con người này có xu hướng rõ rệt phân loại tất cả những ai khác với mình. Nhưng định kiến cũng có thể hình thành thông qua nhóm mình đang tham gia, chịu ảnh hưởng của thủ lĩnh, lãnh đạo nhóm. Một khi những cơ sở định kiến đã được thiết lập nên, có thể lúc đầu, khi ta đang nhỏ chúng nằm ở dạng tiềm ẩn, thế nhưng chúng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc chúng ta có khuynh hướng chỉ lựa chọn những gì phù hợp với chờ đợi của ta trong rất nhiều thông tin đến từ một người hay một nhóm xác định. Theo cách đó, do khái quát hoá những nét tính cách, những hành vi, cử chỉ, thái độ, ứng xử, khả năng tư duy, ... của một hoặc vài cá nhân mà chúng ta có thể có định kiến về chẳng hạn như dòng họ của cá nhân đó, của tầng lớp xã hội mà cá nhân đó là thành viên, thậm chí của dân tộc của anh ta. Chẳng hạn, nếu tai nạn xe máy gây ra bởi một phụ nữ, ngay lập tức người ta có khuynh hướng cho rằng đã là phụ nữ thì trình độ lái xe kém, trong khi thực ra tỷ lệ đàn ông gây tai nạn xe máy cao hơn rất nhiều so với phụ nữ. Cũng như vậy, chỉ cần một cá nhân bị

thất nghiệp từ chối nhận một công việc nào đó cũng đủ để củng cố định kiến cho rằng những người thất nghiệp phần lớn đều lười nhác, ngại việc.

Như chúng ta đã nói ở trên, thường người có định kiến tự cho mình là người thuộc nhóm có thứ bậc, đẳng cấp cao và do đó có thái độ của kẻ bề trên. Chẳng hạn trong thời gian rất dài, người da trắng vẫn cho rằng mình thuộc giống nòi thông minh và văn minh hơn so với người da vàng và da đen. Cũng chính vì nhìn nhận như vậy, dân tộc có định kiến giữ một khoảng cách với dân tộc bị định kiến, và hậu quả của nó lại đi cho rằng nhóm bị định kiến cách biệt và xa lạ. Vì cho mình là người bậc trên, nhóm có định kiến tự cho mình là người có đặc quyền, đặc lợi và cũng vì quá yêu thích cảm giác quyền lực này mà nhóm có định kiến luôn luôn sợ hãi nhóm bị định kiến mưu phản, chiếm đoạt quyền lực.

Định kiến là nguồn gốc của những sự chia rẽ, sự phân biệt chủng tộc, sự bài ngoại. Chính định kiến làm khơi nguồn những cư xử hung tính, hung hãn giữa các cá nhân hoặc các nhóm. Lịch sử loài người không bao giờ quên và không bao giờ tha thứ cho những tên phát xít Đức trong những năm 30 của thế kỷ XIX đã ra tay giết hại, thiêu sống và nhốt vào trại tập trung hàng triệu người Do Thái chỉ vì do định kiến. Hay những trường hợp diệt chủng khác, thường là nhân danh những định kiến cho rằng sự có mặt của những “kẻ hoang dã” ương ngạnh kìm hãm sự tiến bộ đã không từ một thủ đoạn nào đàn áp đã man nào rồi đi đến chỗ cố tiêu diệt họ cho bằng hết.

Định kiến bắt nguồn từ các nhận thức, quan niệm, rộng hơn là ở các biểu tượng xã hội không đúng đắn của dân tộc này về dân tộc khác. Chúng có thể xuất hiện trên cơ sở sự khác biệt về niềm tin và giá trị. Thật vậy, các nghiên cứu của các nhà tâm lý học Mỹ khẳng định rằng niềm tin và giá trị giữa các nhóm khác nhau bao nhiêu thì định kiến giữa các nhóm lại lớn bấy nhiêu. Khi có cùng một niềm tin và giá trị hoặc niềm tin và giá trị gần nhau, giữa các nhóm hình thành một cách dễ dàng mối quan hệ gần gũi, ngược lại, sự chênh lệch giữa niềm tin và giá trị giữa các nhóm hay các dân tộc tạo nên khoảng cách giữa họ và đây là cơ sở để hình thành những định kiến.

Tại sao con người lại có định kiến? Hay khái quát hơn tại sao lại có định kiến giữa các dân tộc? Hai nguồn gốc chính các nhà nghiên cứu hay nói đến là nhân cách cá nhân và áp lực của nhóm.

Gustave Lebon⁽¹⁾, một trong những đại diện tiêu biểu nhất của tư duy thời đại của ông cho rằng: thái độ chính trị nói chung và định kiến nói riêng bị quy định một cách mạnh mẽ bởi các đặc điểm nhân cách được truyền chuyển giữa các thế hệ. Trong khi đó Freud (1921)⁽²⁾ lại cho rằng cá nhân có thái độ này hay thái độ khác là do mức độ được thoả mãn các nhu cầu và các mong muốn, và từ đó cá nhân có thái độ với bố mẹ, với anh chị em, với bạn bè, với người yêu mến, ... Thái độ - quá trình tâm lý và tập thể - không phụ thuộc vào một thực thể xã hội rộng lớn như là dân tộc hay xã hội, mà phụ thuộc vào nhóm nhỏ, như gia đình chẳng hạn. Sau Freud, Wilhem Reich và Erich Fromm dùng

một số khía cạnh của phân tâm học để giải thích các hiện tượng xã hội và chính trị, đặc biệt phân tích hiện tượng quyền lực của Hitler vào những năm 30 của thế kỷ trước. Wilhem Reich nhấn mạnh mối quan hệ giữa cơ cấu tính cách của người dân Đức với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa đế quốc và bạo lực. Cả hai tác giả này đều nhấn mạnh vai trò của gia đình trong việc hình thành thái độ chính trị của cá nhân. Sự bị tước bỏ tình yêu, những ức chế của thời thơ bé sẽ là cội nguồn của những lo âu, do đó, về sau tất cả những xung năng cuộc sống, các ham muốn đều có mối liên hệ với lo hãi và cá nhân luôn có xu hướng cố gắng thoát khỏi nó, tự bảo vệ mình bằng cách trang bị cho mình "quyền lực": là lãnh đạo, là thủ lĩnh, là đảng phái, ... Về vấn đề này, Melaine Klein cũng có những ý kiến tương tự.

Cũng trong xu hướng này, Théodor W. Adorno mô tả về một "nhân cách độc đoán"⁽³⁾. Ông cho rằng tồn tại mối liên hệ giữa nhân cách cá nhân và hệ tư tưởng. Theo ông tư tưởng tiêu cực, định kiến, phân biệt chủng tộc xuất phát từ nhiều thành tố: ý kiến tiêu cực (chẳng hạn người Đức cho rằng người Do Thái bán thối, ham quyền lực và tiền bạc, v.v...); thái độ thù địch (cần phải loại bỏ họ, đuổi họ, ...); và những lời biện minh về đạo đức và tôn giáo. Ông và các đồng nghiệp của mình từng nghiên cứu về những động cơ của chủ nghĩa bài Do Thái: liệu có tồn tại những cá nhân đặc biệt bài Do Thái hay không? Câu trả lời của ông là không có kiểu cá nhân đặc biệt bài Do Thái, mà là một kiểu nhân cách, *nhân cách độc đoán*, đặc trưng của nó không chỉ là bài Do

Thái mà có thái độ hằn thù và đối địch với tất cả các nhóm thiểu số. Một nhân cách như vậy thường có xu hướng quy tụ mạnh mẽ vào thủ lĩnh không một chút do dự. Họ bảo vệ những giá trị do thủ lĩnh (thường là tôn giáo hay chính trị) đề xướng, học theo lối sống ước lệ của thủ lĩnh và phê phán, thậm chí phản ứng lại tất cả những gì không phải như vậy.

Nếu như trên kia, chúng ta nói về nguồn gốc cá nhân của định kiến xét theo khía cạnh hình thành đặc điểm nhân cách định kiến thông qua giáo dục gia đình và các quan hệ xã hội từ thuở ấu thơ, chúng ta cũng phải nói thêm rằng định kiến nhiều khi không xuất phát từ đặc điểm nhân cách cá nhân mà hình thành nhiều khi dưới sức ép của nhóm, theo sự tuân thủ theo chuẩn mực của nhóm, ảnh hưởng của nhóm trong một thời điểm nhất định nào đó. Các nghiên cứu của Severy, Brigham và Schlenker cho thấy, các chuẩn mực trong cộng đồng xã hội những người da trắng lại thường xuyên ủng hộ sự thù địch và có hại đối với những người da đen. Càng muốn hoà nhập vào cộng đồng của mình, các cá nhân càng có xu hướng tuân theo các chuẩn mực của cộng đồng, do đó càng có thái độ thù địch, định kiến đối với người da đen, ngược lại, các cá nhân không mấy mặn mà với cộng đồng dân tộc của mình, càng ít có định kiến về những người yếu thế. Ngay cả Freud, dù có đi tìm cội nguồn sâu xa thuộc thuở ấu thơ của cá nhân định kiến, ông cũng nói rằng khi ở trong đám đông, con người thể hiện bản năng sống tập quán (bản năng sống tụ tập thành nhóm). Lúc bấy giờ, hoạt động tâm lý của cá nhân thoái lùi về

mức độ trẻ con và hoang dã. Thường trong đám đông là nơi xuất hiện "tâm hôn tập thể" và là nơi tập hợp lại những "đặc điểm của sự phân biệt chủng tộc, của định kiến nhóm, ...". Cơ chế của hiện tượng này chính là sự đồng nhất hóa của cá nhân vào nhóm để tìm chỗ dựa và của sự chia sẻ cùng một đối tượng tình yêu, theo thuật ngữ phân tâm học, và chính là sự tuân theo chuẩn mực nhóm nhằm hoà nhập vào nhóm và cũng có nghĩa là khẳng định vị trí của mình trong nhóm, theo thuật ngữ tâm lý học xã hội.

Nói như vậy có nghĩa rằng nguồn gốc của thái độ nói chung và của định kiến nói riêng có thể nằm ngoài cá nhân, thuộc về môi trường tâm lý và xã hội, là kết quả của tương tác xã hội. Trong các nguyên nhân này, sự cạnh tranh được xem là nguyên nhân cơ bản nhất của định kiến dân tộc. Có thể là sự cạnh tranh lãnh thổ, cạnh tranh quyền lực, cạnh tranh kinh tế, ... Kết quả của sự cạnh tranh là có kẻ thua, người được và những kẻ thất bại, đặc biệt nhóm thất bại thường nuôi dưỡng thái độ xâm kích, thù địch. Sự phát sinh và phát triển thái độ định kiến còn phụ thuộc vào những biểu tượng xã hội, chẳng hạn nếu như chúng ta có biểu tượng xã hội rằng dân tộc A tốt bụng, trong khi đó dân tộc B keo kiệt, thì biểu tượng xã hội này sẽ tác động đến nhận thức của từng cá nhân, đặc biệt đến thế hệ trẻ khiến nhiều người trong họ sẽ nuôi dưỡng thái độ định kiến với dân tộc B mà không hề xem xét liệu điều đó có đúng hay không. Ngoài ra người ta cũng thấy rằng thái độ định kiến và phân biệt đối xử

(Xem tiếp trang 45)

không coi thường sự hoạt hóa những vùng não liên hệ với sự gọi tên và với ký ức thông thường. Thế rồi sao nữa? Stanislas Dehaene, ở CEA (Trung tâm năng lượng nguyên tử của Pháp), người sắp công bố một tổng hợp vấn đề, đưa ra một mô hình hơi khác một chút. Stanislas biện hộ cho sự tồn tại ba mạch chuyên trách, một mạch thuần túy số, xử lý các phép toán về số lượng (cộng, trừ), một mạch khác liên quan đến ngôn ngữ về phép nhân và những phép tính khác dựa trên ký ức, một mạch thứ ba, thị giác - không gian, xử lý những nhiệm vụ làm nhập cuộc một sự biểu diễn trong óc những số.

Giải quyết vấn đề này như thế nào? Trước hết, làm lại các thí nghiệm với nhiều người hơn. Rồi, như O. Houdé khuyên, chuyển từ phép tính cơ bản sang những vấn đề toán học mà cách giải có sử dụng đến lập luận lôgic. Mà O. Houdé chỉ ra rằng lập luận lôgic đó dựa trên những khu vực của ngôn ngữ. "Điều đáng quan tâm đó là sự tương phản giữa các miền của não cần thiết cho số học và cho lôgic", O. Houdé nhấn mạnh và đề nghị nghiên cứu cả một cấu trúc não có thể có, chung cho "hai cột trụ đó của hình dạng trừu tượng nhất của trí năng". ♣

Theo *La Recherche*,
tháng 7 - 8/2003.

BÀN VỀ ĐỊNH KIẾN...

(Tiếp theo trang 10)

giữa các dân tộc thường là kết quả trực tiếp của sự tổ chức các nhóm lớn trong xã hội. Các nhóm lớn này dùng hàng loạt các thủ đoạn tuyên truyền, vận động, các lời lẽ bôi nhọ, những quyền lợi về kinh tế,... nhằm chia rẽ giữa các dân tộc, phục vụ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của chúng hoặc phục vụ chiến tranh.

Dù có nguồn gốc nào đi chăng nữa, định kiến không phải là thái độ tự nhiên của con người, mà được hình thành và phát triển, do vậy mà cũng có thể loại bỏ định kiến được với nhiều phương pháp khác nhau: thay đổi thái độ, thay đổi hành vi, thay đổi cách thức giáo dục, thay đổi các biểu tượng, biểu trưng xã hội, trị liệu nhóm, trị liệu cá nhân,... ♣

Chú thích

- (1) Gustave Lebon, *Les opinions et les croyances*, Paris, Ernest Flammarion Édit, 1928.
- (2) S. Freud, *Psychologie collective et analyse du moi*, In *Essais de Psychanalyse*, Vienne, 1921, Paris, Payot, 1951.
- (3) T.W. Adorno, als., *Theo authotarian personality*, 1950, NewYork, Harper.